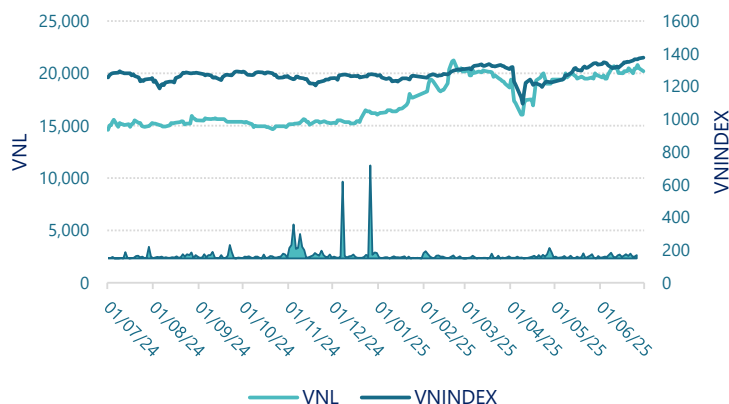


CTCP Logistics VINALINK (HSX: VNL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,239
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,604
SL cổ phiếu LH	14,140,487
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,135
% sở hữu nước ngoài	11.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	286
P/E	5.0
EPS	4,003

DT thuần

Q2/25

332

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 39.0 | 13.3%

YoY: ▲ 46.0 | 16.0%

LN sau thuế

Q2/25

18.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.70 | 33.3%

YoY: ▲ 4.80 | 34.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.6%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

6T 2025

625

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 121 | 24.1%

LN sau thuế

6T 2025

32.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.2 | 51.9%

ROE

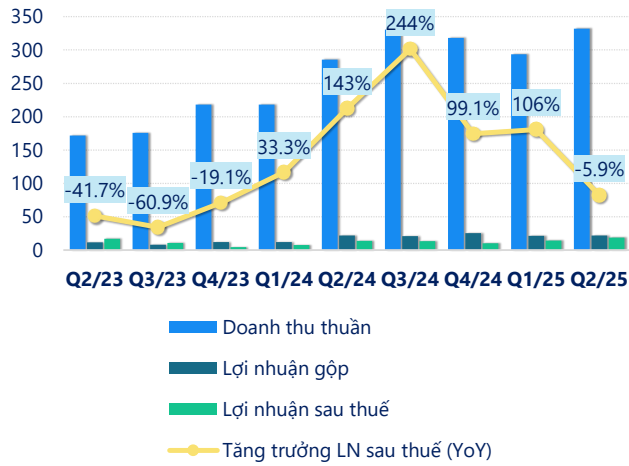
Q2/25

19.0%

+/- YoY: ▲ 5.5%

tỷ VNĐ

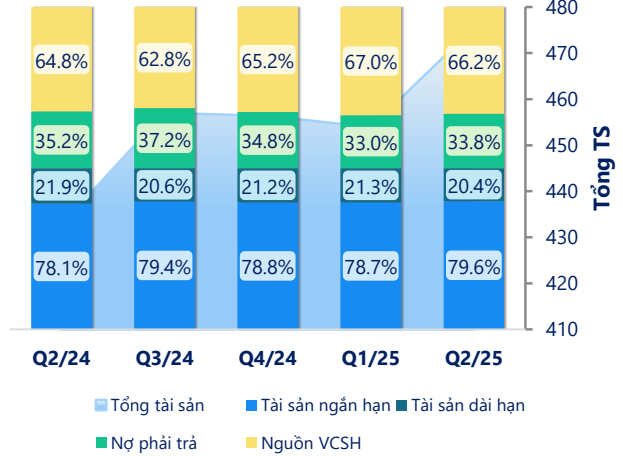
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

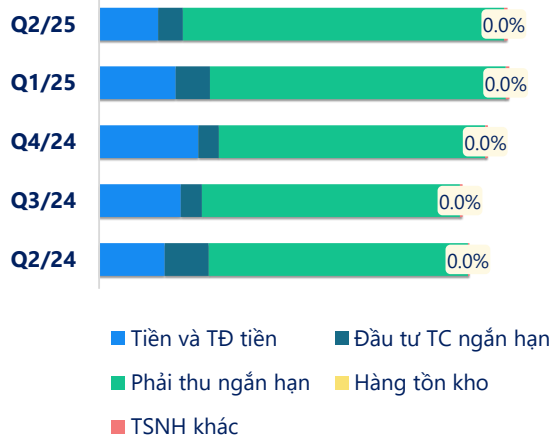
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



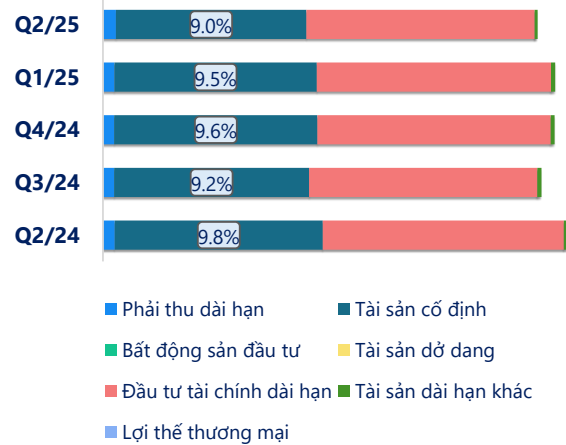
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

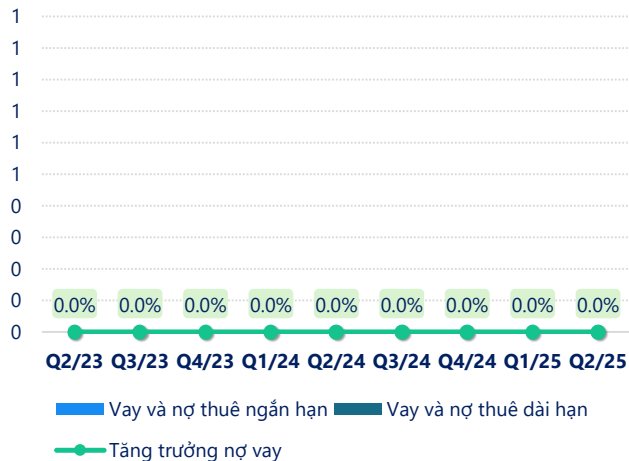
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

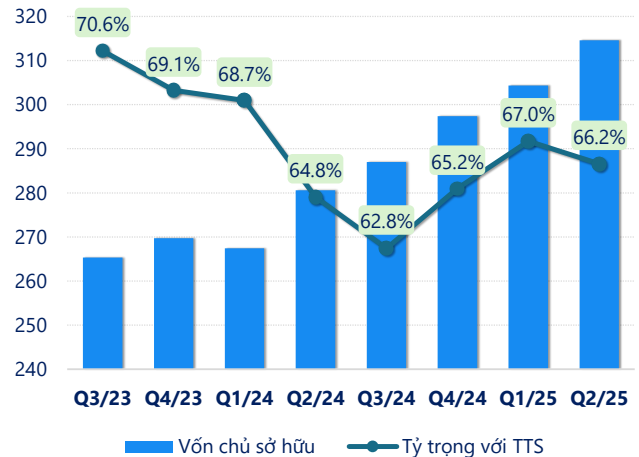
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

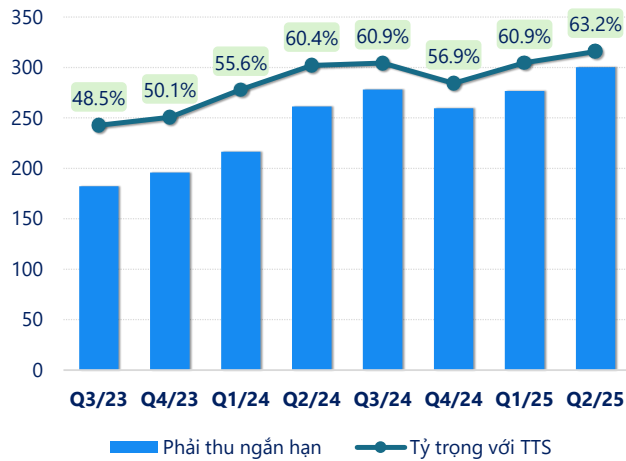
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



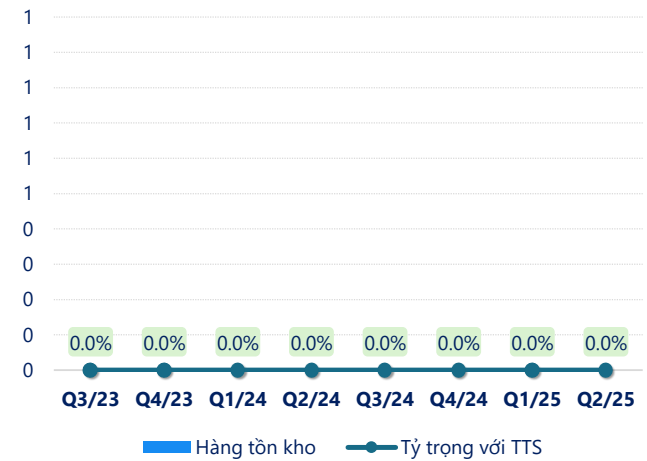
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


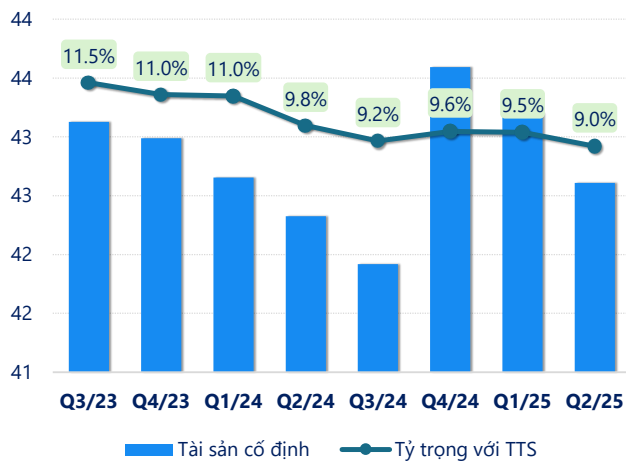
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


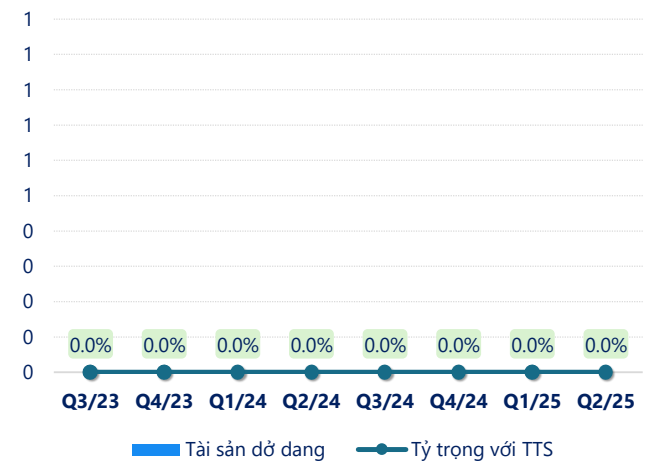
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

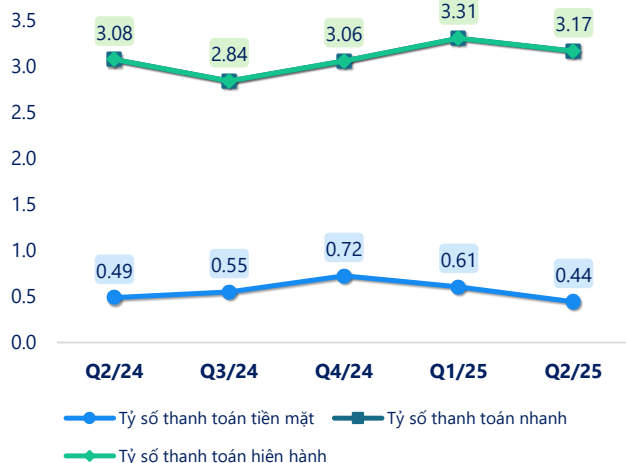
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

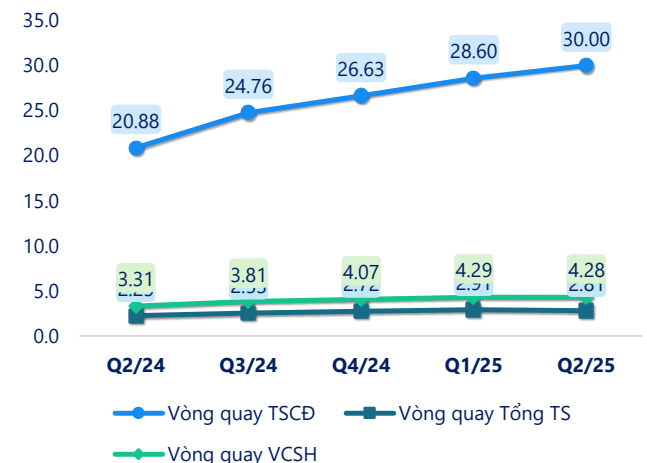
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	433	457	456	454	476
Tài sản ngắn hạn	338	363	360	357	378
Tiền và tương đương tiền	53.5	70.1	85.2	65.5	52.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	10.0	10.0	10.0	20.0
Phải thu ngắn hạn	261	278	260	277	300
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	3.00	4.44	4.76	5.31	5.19
Tài sản dài hạn	94.9	94.3	96.9	96.5	97.1
Phải thu dài hạn	2.40	2.39	2.43	2.43	2.89
Tài sản cố định	42.3	41.9	43.6	43.2	42.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	49.0	50.0	50.0	51.0
Tài sản dài hạn khác	1.13	0.91	0.83	0.85	0.63
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	152	170	159	150	161
Nợ ngắn hạn	110	128	118	108	119
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	78.2	73.9	68.8	64.9	78.6
Nợ dài hạn	42.4	42.4	41.5	41.5	41.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	281	287	297	304	315
Vốn chủ sở hữu	281	287	297	304	315
Vốn điều lệ	141	141	141	141	141
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)